

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/HSST
Ngày 04 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Viễn
2. Ông Quàng Văn Tiễn

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hà Thị Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lường Văn T** - Sinh năm 1985 tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn: Không; Con ông Lường Văn D và bà Lò Thị H; Vợ Lường Thị L và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 29/6/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lò Văn Đ** - Sinh năm 1987 tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn: Không; Con ông Lò Văn P và bà Lò Thị B; Vợ Lò Thị T và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/7/2019 cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08h30 phút ngày 29/6/2019 Công an huyện Sông Mã nhận được tin báo của Cơ sở điều trị nghiện ma túy huyện Sông Mã về việc học viên Lương Văn T có hành vi cất giấu chất ma túy; Công an huyện Sông Mã đã cử tổ công tác đến để phối hợp lập biên bản bắt quả tang. Vật chứng thu giữ 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa cục bột liên kết màu trắng, 01 viên nén màu hồng và 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa cục bột liên kết màu trắng, 01 viên nén màu hồng (Thời khai nhận đó là số ma túy do T và Đ góp tiền mua để sử dụng, trên đường về gặp tổ công tác Công an huyện Sông Mã và ban công an xã Nà Nghịu nên T đã nuốt vào bụng). Tổ công tác đã niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngày 29/6/2019 tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định. Kết quả cân tịnh lần lượt như sau: Số bột liên kết màu trắng trong gói nilon màu trắng có khối lượng 0,29 gam, trích hết làm mẫu gửi giám định ký hiệu T1; 01 viên nén màu hồng có khối lượng 0,09 gam trích hết làm mẫu giám định ký hiệu H1. Số bột liên kết trong gói nilon màu hồng có khối lượng 0,06 gam, trích hết làm mẫu gửi giám định ký hiệu T2; 01 viên nén màu hồng có khối lượng 0,06 gam trích hết làm mẫu giám định ký hiệu H2.

Tại bản kết luận giám định số 1220 ngày 03/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu H1 và H2 đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,15 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 và T2 đều là ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,35 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,15 gam loại Methamphetamine và 0,35 gam loại Heroine”.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 28/6/2019 Đ điều khiển xe mô tô đến nhà T chơi, tại đây T rủ Đ đến bản Co Mạ, xã Huổi Một để tìm mua ma túy sử dụng, Đ đồng ý. Đi đến bản Co Mạ, T nói với Đ góp tiền để mua ma túy, Đ đã đưa cho T 50.000 đồng, T nhận tiền và bỏ ra thêm 100.000 đồng. Sau đó, T cùng Đ vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông khoảng 60 tuổi, không biết tên, T hỏi mua của người phụ nữ ngày 100.000 đồng Heroine và 50.000 đồng Hồng phiến, người phụ nữ đó đồng ý nhận tiền rồi ra ngoài, khoảng một tiếng sau quay lại đưa cho T 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 02 viên hồng phiến và một cục Heroine. Có ma túy, T và Đ trích một phần Heroine và một phần của viên Hồng phiến sử dụng ngay tại nhà người phụ nữ đó; số ma túy còn lại, T lấy một mảnh nilon màu hồng gói 01 viên Hồng phiến đã bị cạo và một ít Heroine thành một gói; còn 01 viên Hồng phiến và một phần Heroine T tiếp tục dùng mảnh nilon màu trắng gói cùng với gói nilon màu hồng vào với nhau thành một gói rồi T ngậm vào trong miệng và điều khiển xe chở Đ đi về. Đi đến khu vực bản Trại Giồng, xã Nà Nghịu thì gặp Tổ Công tác Công an huyện và ban Công an xã Nà Nghịu đang làm nhiệm vụ, kiểm tra; Do sợ bị phát hiện nên T đã nuốt số ma túy vào bụng. Qua kiểm tra Tổ công tác không phát hiện ma túy, khi

thử nước tiểu thấy T và Đ dương tính với ma túy nên đã bàn giao cho Công an xã Chiềng Sơ để lập hồ sơ đưa đi hỗ trợ cất cơn cai nghiện.

Khoảng 08 giờ ngày 29/6/2019 T đi vệ sinh ra gói ma túy đã nuốt và rửa sạch và cầm vào phòng thì bị học viên ở cùng phòng là Lò Văn H phát hiện, H đã báo với Ban giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy, T bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng ngày tổ công tác Công an huyện làm việc với Lò Văn Đ, Đ thừa nhận toàn bộ hành vi đã góp tiền cùng mua ma túy với T, ngày 08/7/2019 Lò Văn Đ bị bắt tạm giam để phục vụ điều tra.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 117/CT- VKSSM ngày 23/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lương Văn T, Lò Văn Đ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Lương Văn T từ 20 - 24 tháng tù; xử phạt Lò Văn Đ từ 18 - 22 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy số vật chứng liên quan. Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 09h ngày 29/6/2019, bắt quả tang Lương Văn T có hành vi cất dấu 01 gói nilon màu trắng bên trong

chứa cục bột liên kết màu trắng, 01 viên nén màu hồng và 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa cục bột liên kết màu trắng, 01 viên nén màu hồng.

- Vật chứng bị thu giữ; Kết luận giám định số 1220/KLMT ngày 03/7/2019 kết luận số vật chứng đã thu của Thới.

- Lời khai của Lò Văn Đ về việc ngày 28/6/2019 T có rủ Đ lên bản Co Mạ, xã Huổi Một để mua ma túy về sử dụng, Đ đã góp cho T số tiền 50.000 đồng, khi mua được ma túy đã cùng nhau sử dụng, số ma túy còn lại T gói lại để mang về nhà, trên đường về bị phát hiện dương tính với ma túy nên bị đưa đi hỗ trợ cắt cơn cai nghiện. Đến sáng ngày 29/6/2019 đã phát hiện T cất giấu ma túy.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/6/2019 Lương Văn Th và Lò Văn Đ đã cùng nhau góp tiền để mua ma túy về sử dụng; sau khi mua được ma túy đã cùng nhau sử dụng, số ma túy còn lại Lương Văn T đã cất giấu mang về; trên đường về khi thấy Công an, T đã nuốt gói ma túy vào bụng; qua kiểm tra Công an phát hiện T và Đ dương tính với ma túy nên đã giao cho chính quyền địa phương đưa đi cắt cơn cai nghiện. Đến sáng ngày 29/6/2019 T đi vệ sinh lấy gói ma túy ra thì bị phát hiện. Khối lượng ma túy là 0,15 gam loại Methamphetamine và 0,35 gam loại Heroine - Tổng khối lượng ma túy bị thu giữ là 0,50gam.

Hành vi các bị cáo thực hiện đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS Hội đồng xét xử thấy: Theo hướng dẫn tại mục I phụ lục kèm theo Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự, thì tổng khối lượng 02 chất ma túy Heroine, Methamphetamine tương đương với khối lượng Heroine, Methamphetamine quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như vậy trường hợp này tổng khối lượng của 02 chất ma túy Heroine, Methamphetamine thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự: “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định

tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”. Do vậy không chấp nhận Quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS;

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo Lương Văn T là người rủ rê khởi sự, trực tiếp trao đổi, đưa tiền, nhận ma túy; bị cáo Lò Văn Đ là đồng phạm với vai trò là người thực hành đã cùng góp tiền và dùng phương tiện để chở T đi mua ma túy - áp dụng Điều 58 BLHS khi quyết định hình phạt. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, khối lượng ma túy các bị cáo tàng trữ, vai trò của các bị cáo để quyết định một mức án phù hợp với từng bị cáo nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cơ quan điều tra đã làm rõ gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy số vật chứng liên quan.

[7] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với người phụ nữ dân tộc Mông các bị cáo khai đã bán ma túy cho các bị cáo, do các bị cáo không biết tên, tuổi cụ thể, ngoài lời khai của các bị cáo không có chứng cứ khác chứng minh. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Suzuki BKS 26F3- 2850 qua xác minh chiếc xe là tài sản chung của gia đình bị cáo Đ. Ngày 28/6/2019 sau khi Đ được đưa đi hỗ trợ cắt cơn cai nghiện, ban Công an xã Chiềng Sơ đã bàn giao lại xe cho vợ bị cáo là chị Lò Thị T quản lý, sử dụng là đảm bảo quy định.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn T và Lò Văn Đ phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn T 20 (hai mươi) tháng tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày 29/6/2019.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày 08/7/2019.

2- Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mảnh ni lon màu trắng, 01 (một) mảnh ni lon màu hồng, 01 (một) vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu. (các vật chứng trên được đựng trong một phong bì còn nguyên niêm phong).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/9/2019 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

3- Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 04/11/2019./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn

